TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DSPT
Ngày: 05 - 6 - 2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk* tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ dân sự thụ lý số 63/2019/TLPT-DS ngày 19/2/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh H.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐ-PT ngày 16/4/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Khắc T;

Địa chỉ: 60 Nguyễn C, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thanh H;

Địa chỉ: 70 Trần Đ, Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Phan Ngọc N;

Địa chỉ: 60 Nguyễn C, Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông Đoàn Văn T1;

Địa chỉ: 70 Trần Đ, Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N;

Địa chỉ: Thôn 20, xã H, Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Ông Hoàng Xuân T2;

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Võ Khắc T trình bày**:

Ngày 09/3/2015 ông có cho bà Trần Thị Thanh H vay số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 10 ngày. Đến hạn trả nợ, bà H không trả nên ông đã đòi nhiều lần bà H trả nợ được 05 đợt với số tiền là 100.000.000 đồng. Trong đó bà N nhờ bà H trả giúp 50.000.000 đồng để trừ vào số nợ 300.000.000 đồng mà bà N vay của ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc còn là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng là 1%/tháng.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày**:

Bà thừa nhận ngày 09/3/2015, bà cùng với bà N đến nhà ông T vay số tiền là 300.000.000 đồng để bà N về đáo hạn ngân hàng, nhưng do bà N không biết ông T nên ông T yêu cầu bà phải đứng ra vay và ký nhận hợp đồng thì ông mới cho vay, thấy khó khăn cho bà N nên bà đã đứng ra ký hợp đồng và nhận số tiền là 300.000.000 đồng của ông T. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu bà N và ông T2 viết thêm 01 giấy vay có nội dung, thời gian và số tiền 300.000.000 đồng như giấy vay bà đã ký nhận với ông T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên, bà không đồng ý vì số tiền này bà vay cho bà N nên bà và bà N chỉ đồng ý trả khi ông T tính hai giấy vay là một với số tiền 300.000.000 đồng vay gốc và lãi suất như hợp đồng hai bên đã thỏa thuận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Khắc T.

Buộc bà Trần Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Khắc T số tiền 250.000.000đồng nợ gốc và 121.000.000 đồng tiền lãi; Tổng cộng là 371.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/01/2019 bị đơn bà Trần Thị Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn ông Võ Khắc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Do đến hạn trả nợ Ngân hàng, không có tiền trả nên bà được người dân trong thôn giới thiệu đến gặp bà Trần Thị Thanh H chuyên làm việc đáo hạn nợ Ngân hàng. Do đó, ngày 09/3/2015 bà đã đến nhà bà H hỏi vay tiền và được bà H dẫn đến nhà ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, ông T yêu cầu bà H viết giấy vay và hai người giao nhận tiền với nhau. Đến đầu giờ chiều cùng ngày ông T gọi và yêu cầu bà dẫn ông T2 (chồng bà) đến ký nhận giấy vay số tiền 300.000.000 đồng mà bà H đã nhận của ông T để đi đáo hạn nợ Ngân hàng cho bà, nghĩ mọi việc diễn ra như thỏa thuận với bà H nên bà và ông T2 đã đồng ý ký giấy vay do ông T viết với nội dung vay 300.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi ký giấy vay với ông T, số nợ Ngân hàng của gia đình bà không được bà H đáo hạn, nên Ngân hàng đã giải quyết bán tài sản thế chấp của bà để trừ nợ, từ đó giữa bà với bà H và ông T không gặp nhau, cũng không ai nói gì đến số tiền của ông T. Đến năm 2018, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết buộc bà trả nợ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay ngày 09/3/2015, bà không đồng ý nên sau đó ông T đã rút đơn khởi kiện và vụ án đã được đình chỉ vào ngày 10/01/2018. Nay ông T khởi kiện bà H, các bên cho rằng số nợ trên có liên quan đến bà là không đúng vì sau khi bà H nhận tiền từ ông T về không đáo hạn Ngân hàng cho bà và bà không đưa khoản tiền nào cho bà H để nhờ trả nợ cho ông T. Do đó, nay ông T khởi kện bà H, bà yêu cầu Tòa án xem xét hai giấy vay của bà và của bà H ký nhận với ông T là một và yêu cầu ông T hủy bỏ giấy vay do bà với ông T2 ký nhận ngày 09/3/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí và được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Khắc T khởi kiện bà Trần Thị Thanh H thì thấy: Tại giấy vay ngày 09/3/2015 thể hiện bà H vay 300.000.000 đồng, sau khi vay bà H đã trực tiếp trả ông T 100.000.000 đồng, bà cho rằng giấy vay và số tiền bà nhận của ông T sau đó bà đã đưa cho bà N nên khoản nợ trên bà N với ông T2 có trách nhiệm trả ông T, nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để

chứng minh cho lời trình bày của mình và qua xác minh thì tại thời điểm trên bà H, bà N không ai trả Ngân hàng khoản nợ nào. Phía ông T cho rằng khoản vay của bà H với khoản vay của bà N là hai khoản vay khác nhau nên bà H không thừa nhận và không chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra bà H cho rằng số tiền trên bà vay của ông T là vay giúp bà N, nên 100.000.000 đồng bà trả cho ông T là tiền của bà N đưa cho bà để trả cho ông T, nhưng ông T không thừa nhận mà cho rằng hai khoản vay khác nhau, số tiền bà H trả cho ông 100.000.000 đồng. Trong đó bà H 50.000.000 đồng và bà N 50.000.000 đồng, nhưng trong giấy biên nhận không thể hiện trả cho bà N và bà N cũng không thừa nhận số tiền này là của bà. Như vậy, án sơ thẩm không khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng cho bà H mà giải quyết trừ cho bà N là không đúng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo đơn kháng cáo và quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng việc bà viết giấy vay nợ giữa bà với ông T là để bảo đảm theo yêu cầu của ông T đối với khoản vay 300.000.000 đồng của bà N, vì muốn giúp bà N nên bà mới ký nhận vay với ông T. Nay ông T khởi kiện, bà không thừa nhận việc vay số tiền trên để sử dụng mục đích của gia đình bà mà vay cho bà N nên yêu cầu ông T tính hai giấy vay là một hoặc hủy đi một giấy để giải quyết số tiền 300.000.000 đồng gốc và tính lãi suất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận.

Đối với số tiền đã trả sau khi vay, bà H thừa nhận bà đã trực tiếp trả cho ông T 05 đợt với số tiền là 100.000.000đồng, cụ thể: Ngày 17/12/2015 bà H trả gốc 30.000.000đồng; ngày 01/4/2016 bà H trả 20.000.000đồng; ngày 04/3/2017 bà H trả 20.000.000 đồng; ngày 17/4/2017 bà H trả 20.000.000 đồng; ngày 20/6/2017 bà H trả 10.000.000đồng. Ông T cũng thừa nhận số tiền này, nhưng ông cho rằng bà H đã tự khai và thừa nhận số tiền trên có 50.000.000 đồng bà N nhờ bà H trả cho ông nên phải trừ vào khoản vay của bà N mới phù hợp, nhưng nay bà N không thừa nhận việc này. Bởi, sau khi thỏa thuận vay tiền bà H nhận đứng ra đáo hạn Ngân hàng cho bà và bà H đã trực tiếp nhận số tiền vay của ông T, sau đó bà H không thực hiện để hợp đồng tín dụng của bà quá hạn nên Ngân hàng đã giải quyết bán tài sản thế chấp của gia đình bà để trừ hết nợ, từ đó giữa bà và bà H không gặp và cũng không ai nói gì đến số tiền trên. Như vậy, số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay bà H ký và nhận tiền của ông T, sau đó bà H đã trả được 05 đợt với số tiền là 100.000.000đồng, đây là khoản vay của bà H với ông T nên ông T khởi kiện

là có cơ sở và cần buộc bà H phải trả cho ông T số tiền nợ gốc, lãi suất là 313.105.999 đồng, cụ thể:

Lãi suất số tiền gốc 300.000.000đồng tính từ ngày 09/3/2015 đến ngày 17/12/2015 bà H trả cho ông T số tiền gốc 30.000.000đồng là: 300.000.000đ x 1%/tháng/30 ngày x 283 ngày = 28.300.000đồng;

Lãi suất số tiền gốc 270.000.000đồng tính từ ngày 18/12/2015 đến ngày 01/4/2016 bà H trả thêm cho ông T số tiền gốc 20.000.000đồng là: 270.000.000đồng x 1%/tháng/30 ngày x 105 ngày = 9.450.000đồng;

Lãi suất số tiền gốc 250.000.000đồng tính từ ngày 02/4/2016 đến ngày 04/3/2017 bà H trả thêm cho ông T số tiền gốc 20.000.000đồng là: 250.000.000đồng x 1%/30 ngày x 332 ngày = 27.666.666 đồng;

Lãi suất số tiền gốc 230.000.000đồng tính từ ngày 05/3/2017 đến ngày 17/4/2017 bà H trả thêm cho ông T số tiền gốc 20.000.000đồng là: 230.000.000đồng x 1%/30 ngày x 42 ngày = 322.000đồng;

Lãi suất số tiền gốc 210.000.000đồng tính từ ngày 18/4/2017 đến ngày 20/6/2017 bà H trả thêm cho ông T số tiền gốc 10.000.000đồng là 210.000.000đồng x 1%/30 ngày x 62 ngày = 434.000đồng;

Lãi suất số tiền gốc 200.000.000đồng tính từ ngày 21/6/2017 đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử phúc thẩm) là: 200.000.000đồng x 1%/30 ngày x 704 ngày = 46.933.333đồng.

Vậy, tổng số tiền lãi bà H có nghĩa vụ trả cho ông T tính từ ngày 09/3/2015 đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử phúc thẩm) là:

28.300.000đồng + 9.450.000đồng + 27.666.666đồng + 322.000đồng + 434.000đồng + 46.933.333đồng = 113.105.999đồng.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy bà H vay số tiền trên của ông T, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên ông Đoàn Văn T1 (chồng bà) không biết và theo giấy vay tiền chỉ một mình bà H ký. Do đó, ông T1 không phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại bị đơn bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là (200.000.000đ + 113.105.999đ) x 5% = 15.655.299đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà H nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Khắc T.

Buộc bà Trần Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Khắc T số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc và 113.105.999 đồng tiền lãi; Tổng cộng là 313.105.999 đồng (Ba trăm mười ba triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh H phải chịu 15.655.299 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Võ Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông T 6.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003245 ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2017/0011765 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đắk Lắk vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm 15.655.299 đồng, bà H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.355.299 đồng.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi CTHADS Thành phố M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn